UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 7597/BC-TTCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 10/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		896	Tăng (2,9%)	33.915
Đang điều trị (19.294)	*Tầng 3*	08	Giảm (33,3%)	178
	Tầng 2	104	Giảm (33,3%)	5.732
	Tầng 1	812	Tăng (40,2%)	7.152
	Khác			6.232
Khỏi bệnh		466*	Tăng (100,0%)	14.314
Tử vong		06*	Giảm (40,0%)	307

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách giấy ra viện, bệnh án tử vong trong ngày

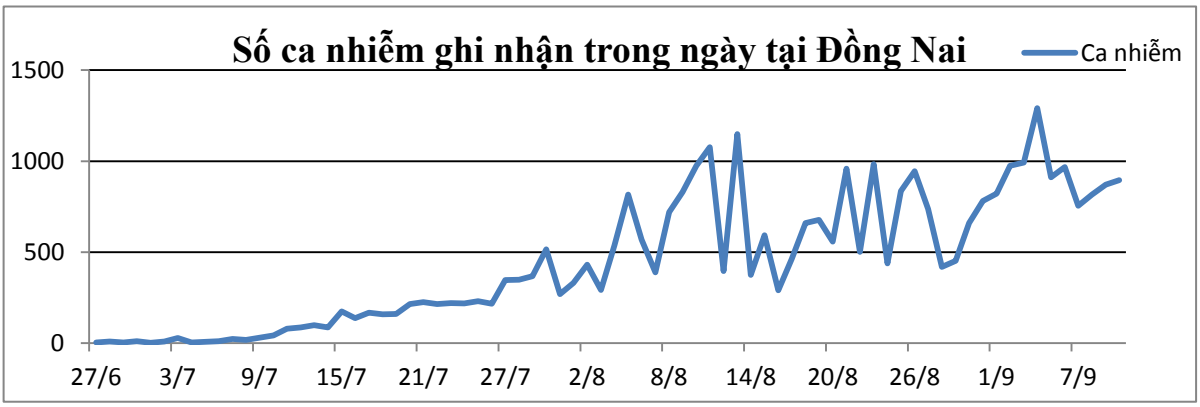

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	50.865	Tăng (117,7%)	2.308.450
Dương tính	2.046 (871 ca mới, 941 ca theo dõi điều trị)	Tăng (10,2%)	70.689
Âm tính	47.775	Giảm (68,6%)	2.225.486

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn;

- 01 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR.

- Trong ngày có 2.046/50.865 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 4,0%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	387	7.812	16.195	24.007
Cách ly tại nhà	162	10.533	51.766	62.299
Theo dõi sức khỏe	93	3.775	20.911	24.686

Trong ngày: 305 F1 (cộng dồn: 14.494), 00 F2 (cộng dồn 30.502)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.662 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 20 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.642 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 88 ca, lũy kế 1.590 ca F0/137.449 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T
- DN có F0 trong ngày: 03 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 61/1.128 tổng số DN 3T;

+ Công ty TNHH LF (VN): 81 ca F0, Công ty thực hiện 3T từ ngày 19/7/2021, Công ty thực hiện Test 100% lần đầu và định kỳ theo quy định. Công ty nghi ngờ một nữ công nhân đi khám thai sản 02 lần vào ngày 02/9/2021 và ngày 04/9/2021 tại Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hoàn Mỹ Đồng Nai

- Điều trị khỏi: 1.083/1.590 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 71,44%
- Đang điều trị: 429 ca, chiếm 28,56%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 32.991 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 466 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; ghi nhận 06 ca bệnh tử vong qua báo cáo của các cơ sở điều trị;

- 135 ca là phụ nữ đang mang thai, 1.008 ca dưới 5 tuổi, 542 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.
- 54 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,…);
  + 01 ca ECMO
  + 54 ca thở máy xâm lấn
- 527 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 3.602 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 8.933 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 13.136 giường (trống 5.934 giường).
- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 6.350 giường (trống 622 giường)
- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 407 giường (trống 223 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;
- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;
- 896 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 03 ca phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng, 645 ca trong khu cách ly và 248 ca trong khu phong tỏa. Trong đó:

+ 03 ca cộng đồng: ghi nhận 01 ca tại phường Tân Tiến (Biên Hòa), 02 ca xã Dầu Giây (Thống Nhất) qua xét nghiệm sàng lọc ở cơ sở y tế.

+ 248 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Tam Phước (33), Hóa An (26), Quang Vình (17), Long Bình (11) – TP Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (134) – huyện Nhơn Trạch; xã Hố Nai 3 (09), Bắc Sơn (07) – huyện Trảng Bom.

Trong đó 22 ca tại Công ty Promax (thị trấn Hiệp Phước, KCN Nhơn Trạch), 03 ca bệnh tại các khoa Nội Tiêu hóa (BVĐK Đồng Nai)

+ 645 ca trong khu cách ly: ghi nhận nhiều ca tăng lại các khu cách ly xã Thiện Tân (186) – Vĩnh Cửu; Tam Phước (157), Long Bình (56), Quang Vinh (29) – Biên Hòa.

- Hiện còn 76 trường hợp test nhanh, PCR mẫu gộp dương tính đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR, bao gồm: Nhơn Trạch (48), Trảng Bom (28). Các địa phương chưa báo cáo: Biên Hòa, Trảng Bom, Thống Nhất
- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 215, Trảng Bom 89 (35 trường hợp test nhanh dương tính), Biên Hòa 65 (37 trường hợp test nhanh dương tính), Tân Phú 20;

- Ngành y tế phối hợp Công an tỉnh giám sát, đón 10 trường hợp là chuyên gia nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam về cách ly tập trung, trong đó: nhà khách Mã Đà 02, khách sạn Thanh Phát 08;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 04 tàu, 60 người
- Cộng dồn: 1.111 tàu, 20.785 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

**** Đợt 1 – đợt 6 (từ 22/4 đến 31/8/2021)***

- Số vắc xin đã tiêm: 835.457 liều (Trong đó: 791.382 mũi 1, 62.075 mũi 2)
- Phản ứng sau tiêm: + Nghiêm trọng: 24
  + Thông thường: 10.097

* ***Đợt 7,8: từ ngày 01/9/2021***

- **Tổng số tiêm trong ngày: 101.816 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 99.105 người; Mũi 2: 2.711 người.

- Cộng dồn: 612.161 liều.

Trong đó: Mũi 1: 608.218 người; Mũi 2: 3.943người.

- Số liều vắc xin còn lại: 381.679 liều.
- Các trường hợp phản ứng thông thường được ghi nhận qua báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Y tế: 241 trường hợp, Cộng dồn: 12.538 trường hợp.
- Trường hợp phản ứng phản vệ: không ghi nhận trường hợp nào. Cộng dồn số trường hợp phản ứng phản vệ: 00 trường hợp.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã có 1.399.580 người được tiêm ngừa vắc xin COVID-19 (chiếm tỷ lệ 62,1% đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 66.018 người đã tiêm đủ liều.

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh về việc quyết liệt thực hiện các biện pháp, phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; theo đó tỉnh Đồng Nai thực hiện giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ **kể từ 0h00 ngày 09/7/2021**. Tỉnh đã quyết định tiếp tục thực hiện giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg **đến hết ngày 15/9/2021**, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III, Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- 03 ca cộng đồng: ghi nhận 01 ca tại phường Tân Tiến (Biên Hòa), 02 ca xã Dầu Giây (Thống Nhất) qua xét nghiệm sàng lọc ở cơ sở y tế.

- Ghi nhận nhiều cac trong khu phong tỏa tại phường Tam Phước (33), Hóa An (26), Quang Vình (17), Long Bình (11) – TP Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (134) – huyện Nhơn Trạch; xã Hố Nai 3 (09), Bắc Sơn (07) – huyện Trảng Bom.

- Ghi nhận nhiều ca tăng lại các khu cách ly xã Thiện Tân (186) – Vĩnh Cửu, Tam Phước (157)– Biên Hòa

- Tiếp tục ghi nhận ca mắc tại các nhà trọ trong khu phong tỏa, công ty thực hiện 3T.

- Các địa phương chưa thực hiện báo cáo đầy đủ: Biên Hòa, Thống Nhất

2. Kiến nghị

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Thực hiện kiểm soát nghiêm, giãn cách các khu nhà trọ trong vùng phong tỏa.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Tiếp tục thực hiện việc bảo vệ các vùng xanh bằng việc phát hiện sớm, quản lý và cách ly người về từ các địa phương có dịch - Tiếp tục thực hiện triệt để việc giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 và các Công điện của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Bảo đảm cách ly tuyệt đối giữa các vùng.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Địa phương	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
1	Biên Hòa	474	78,9%	12980
2	Nhơn Trạch	153	-52,6%	8115
3	Vĩnh Cửu	202	-18,2%	7838
4	Trảng Bom	20	53,8%	2402
5	Long Thành	28	133,3%	750
6	Thống Nhất	2	-66,7%	418
7	Long Khánh	0	100,0%	327
8	Định Quán	0	-	247
9	Xuân Lộc	0	-100,0%	258
10	Cẩm Mỹ	0	-	198
11	Tân Phú	0	-100,0%	26
12	Ngoại tỉnh, khác	17	-33,3%	24
Tổng		**896**	**Tăng (2,9%)**	33.883

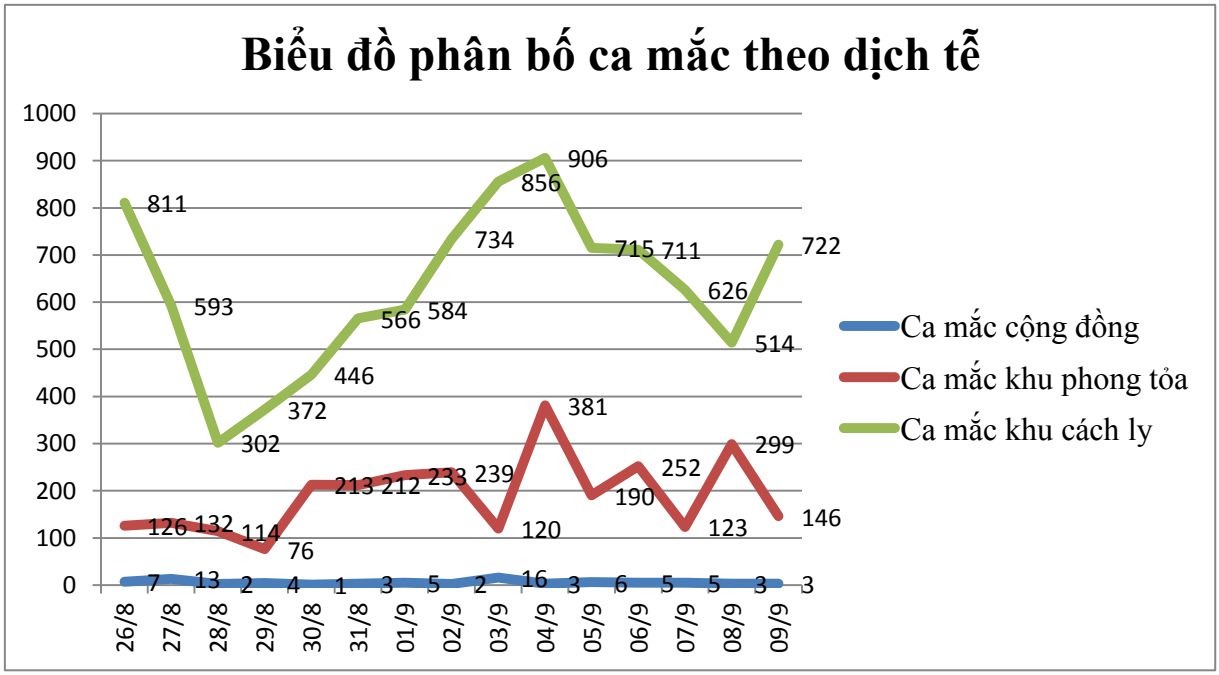

Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)								
		Tổng số ca nhiễm mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng				Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó			
							Cộng Đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (40)										
1	**Biên Hòa**	**399**	**1**	**292**	**106**					
1.1	*An Bình*	**15**		14	1					
1.2	*An Hòa*	**0**								
1.3	*Bửu Hòa*	**1**			1					
1.4	*Bửu Long*	**3**			3					
1.5	*Hiệp Hòa*	**2**		1	1					
1.6	*Hố Nai*	**2**			2					
1.7	*Hóa An*	**31**		5	26					
1.8	*Hòa Bình*	**9**		8	1					
1.9	*Long Bình*	**67**		56	11					
1.10	*Long Bình Tân*	**17**		9	8					
1.11	*Phước Tân*	**11**		8	3					
1.12	*Quyết Thắng*	**3**		2	1					
1.13	*Tam Phước*	**190**		157	33					
1.14	*Tân Biên*	**3**		1	2					
1.15	*Tân Hạnh*	**4**			4					
1.16	*Tân Hiệp*	**7**		5	2					
1.17	*Tân Phong*	**19**		18	1					
1.18	*Tân Tiến*	**1**	1							
1.19	*Tân Vạn*	**1**		1						
1.20	*Trảng Dài*	**13**		7	6					
2	**Long Khánh**	**0**								
2.1	*Bảo Vinh*	**0**								

3	**Nhơn Trạch**	**198**	**0**	**59**	**139**					
3.1	*Đại Phước*	**0**								
3.2	*Hiệp Phước*	**136**		2	134					
3.3	*Long Tân*	**0**								
3.4	*Long Thọ*	**0**								
3.5	*Phú Đông*	**1**		1						
3.6	*Phú Hội*	**3**		3						
3.7	*Phú Hữu*	**28**		28						
3.8	*Phú Thạnh*	**0**								
3.9	*Phước An*	**0**								
3.10	*Phước Khánh*	**3**		3						
3.11	*Phước Thiền*	**27**		22	5					
3.12	*Vĩnh Thanh*	**0**								
4	**Trảng Bom**	**18**	**0**	**2**	**16**					
4.1	*Hố Nai 3*	**10**		1	9					
4.2	*Bắc Sơn*	**8**		1	7					
4.3	*Bình Minh*	**0**								
4.4	*Thanh Bình*	**0**								
4.5	*TT Trảng Bom*	**0**								
5	**Vĩnh Cửu**	**206**	**0**	**203**	**3**					
5.1	*Thạnh Phú*	**18**		16	2					
5.2	*Thiện Tân*	**188**		187	1					
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (28)										
1	**Biên Hòa**	**67**	**0**	**42**	**25**					
1.1	*Long Hưng*	**1**			1					
1.2	*Quang Vinh*	**46**		29	17			18		
1.3	*Tam Hiệp*	**12**		7	5					
1.4	*Trung Dũng*	**8**		6	2					
2	**Cẩm Mỹ**									
2.1	*Long Giao*									

2.2	*Sông Ray*									
3	**Định Quán**									
3.1	*Phú Ngọc*									
3.2	*Phúc Túc*									
4	**Long Khánh**									
4.1	*Xuân Bình*									
5	**Long Thành**	**23**								
5.1	*An Phước*	**1**		1						
5.2	*Bàu Cạn*	**0**								
5.3	*Bình Sơn*	**0**								
5.4	*Long An*	**1**		1						
5.5	*Tam An*	**10**		10						
5.6	*TT Long Thành*	**11**		11						
6	**Thống Nhất**									
6.1	*Gia Tân 3*									
6.2	*Gia Kiệm*									
7	**Trảng Bom**	**1**		**1**						
7.1	*Giang Điền*									
7.2	*Đồi 61*	**1**		1						
7.3	*Hưng Thịnh*									
7.4	*Sông Thao*									
7.5	*Sông Trầu*									
8	**Vĩnh Cửu**	**4**		**4**						
8.1	*Phú Lý*									
8.2	*Bình Lợi*									
8.3	*Mã Đà*	**1**		1						
8.4	*Tân An*									
8.5	*Trị An*									
8.6	*Vĩnh Tân*	**4**		3						
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (27)										

1	**Biên Hòa**	**13**	**0**	**4**	**9**					
1.1	*Bình Đa*	**1**			1					
1.2	*Tam Hòa*	**6**		1	5					
1.3	*Tân Hòa*	**0**								
1.4	*Tân Mai*	**0**								
1.5	*Thanh Bình*	**1**		1						
1.6	*Thống Nhất*	**5**		2	3					
2	**Cẩm Mỹ**									
2.1	*Xuân Quế*									
2.2	*Xuân Đường*									
2.3	*Bảo Bình*									
2.4	*Lâm San*									
2.5	*Xuân Tây*									
3	**Định Quán**									
3.1	*La Ngà*									
3.2	*Gia Canh*									
3.3	*Suối Nho*									
4	**Long Khánh**									
4.1	*Suối Tre*									
4.2	*Bàu Sen*									
5	**Long Thành**	**5**		**5**						
5.1	*Long Phước*									
5.2	*Phước Thái*	5		5						
6	**Trảng Bom**									
6.1	*Quảng Tiến*									
6.2	*Cây Gáo*									
6.3	*An Viễn*									
6.4	*Tây Hòa*									
6.5	*Đông Hòa*									
7	**Vĩnh Cửu**	**2**		**2**						

7.1	*Vĩnh An*	2		2						
7.2	*Bình Hòa*									
8	**Xuân Lộc**									
8.1	*Xuân Bắc*									
8.2	*Xuân Phú*									
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (75)										
1	Biên Hòa (00)									
2	Cẩm Mỹ (06)									
3	Định Quán (09)									
4	Long Khánh (11)									
5	Long Thành (06)									
5.1	*Tân Hiệp*			1						
6	Nhơn Trạch (00)									
7	Tân Phú (18)									
8	Thống Nhất (08)									
8.1	*Dầu Giây*		2							
9	Trảng Bom (02)									
10	Vĩnh Cửu (02)									
11	Xuân Lộc (13)									

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

STT	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	Đ.T.V		1975	Lầu 12/ BVDN	TT Long Thành, Long Thành	09/9/21	Ngưng tim ngưng thở hồi sức không thành công - Viêm Phổi nặng do covid-19/K phổi giai đoạn cuối - suy kiệt
02	D.N.T		1970	BVTN	Thạnh Phú, Vĩnh Cửu	08/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SAR COV 2- Tăng đường huyết
03	Đ.V.T	1964		BVLT	Thi trấn Long Thành	10/9/21	Ngừng tuần hoàn không hồi phục/Viêm phổi do nhiễm Sars Cov-2/ Tăng huyết áp
04	V.Đ.M	1952		BVTN	Bình Minh-huyện Trảng Bom	09/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SAR COV 2/ Choáng nhiễm trùng/ Suy đa cơ quan/ Tắc mạch chi dưới/ Di chứng tai biến mạch máu não/ Tăng huyết áp
05	L.V.M	1949		BVDN	Kp1 Quyết Thắng, Biên Hoà	09/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SAR COV 2
06	N.T.L	1997		Lầu 12/ BVĐN	P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa	08/9/21	Tử vong/ NMCT ST không chênh/ Viêm cơ tim/Nhiễm SASRS-CoV-2

Phụ lục 3: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 5 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng…)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	**40**	**40**	**3**			**1**	**30**		**108**		**5**		**23**	**2**							**10**
2	BVTN/TTHSTC	**400**	**200**	**3**	**0**	**3**	**1**	**94**	**76**	**121**	**8**	**35**	**4**	**25**	**21**					**64**	**30**	**106**
3	BVĐKKVLK/HSTC	**100**	**40**	**2**	**0**	**0**	**0**	**26**	**51**	**31**	**10**	**3**	**0**	**5**	**18**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9**	**2**	**14**
4	BVĐKKVLT	**100**	**100**	**0**	**0**	**1**	**1**	**37**	**18**	**26**	**0**	**15**	**4**	**1**	**17**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	**7**	**63**
5	BV Nhi ĐN	**20**	**10**					**0**														
6	BV Định Quán	**60**	**11**	**0**	**0**	0	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11**
Tổng cộng (tầng 3)		**720**	**401**	**8**	**0**	**4**	**3**	**178**	**146**	**286**	**18**	**58**	**8**	**54**	**58**	**0**	**0**	**0**	**0**	**103**	**39**	**223**
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	**350**	**285**	**1**	**0**	**0**	**0**	**266**	**19**	**1**	**718**	**0**	**0**	**0**	**4**	**204**	**58**	**1**	**14**	**14**	**20**	**19**
2	Bệnh viện dã chiến số 2	**350**	**370**	**15**	**0**	**0**	**0**	**307**	**79**	**0**	**658**	**0**	**0**	**0**	**7**	**175**	**108**	**9**	**15**	**115**	**16**	**30**
3	Bệnh viện dã chiến số 3	**550**	**500**	**4**	**35**	**1**	**0**	**424**	**48**	**0**	**1218**	**0**	**0**	**0**	**17**	**55**	**373**	**13**	**16**	**332**	**92**	**76**
4	Bệnh viện dã chiến số 4	**360**	**345**	**0**	**0**	**1**	**0**	**339**	**58**	**0**	**903**	**0**	**0**	**0**	**7**	**54**	**284**	**0**	**37**	**303**	**2**	**7**
5	Bệnh viện dã chiến số 5	**300**	**316**	**4**	**15**	**0**	**0**	**275**	**26**	**0**	**655**	**0**	**0**	**0**	**7**	**173**	**102**	**5**	**64**	**23**	**0**	**37**
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	4	33	0	**0**	809	84	0	2652	0	0	0	27	249	533	9	42	652	24	201
7	Bệnh viện dã chiến số 7	**730**	**700**	**1**	**8**	**2**	**0**	**729**	**105**	**1**	**1560**	**0**	**0**	**0**	**16**	**68**	**645**	**4**	**164**	**12**	**19**	
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	1	0	1	**0**	614	24	0	665	0	0	0	17	146	451	3	52		**11**	**21**
9	Bệnh viện dã chiến số 9	**1000**	**662**	**1**	**0**	**2**	**0**	**521**	**17**	**0**	**727**	**0**	**0**	**0**	**12**	**351**	**158**	**4**	**30**	**463**	**4**	**141**
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	24	0	0	0	685	35	0	929	0	0	0	21	97	564	2	55	601	29	122
11	Bệnh viện Da liễu	150	150	2	0	0	0	118	17	0	343	0	0	0	5	38	75	0	16	82	2	3
12	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	4	4	2	0	68	56	9	106	6	0	0	40	38	8	7	0	10	19	6

13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	1		19		50							3	40	7		17	32	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành		150	7	1	0	0	113	0	0	0	0	0	0	76	0	0	4	1	89	24	17
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	2	0	0	0	12	3	0	3	0	0	0	2	10	2	0	1	0	0	18
16	Bệnh viện Phổi	60	11					6				1			1		4					
17	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai 2	40	54	8	4	0	0	54	86	0	39	1	0	0	8	33	21	2	2	33	11	
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	2	3	1		22							1	9	12					13
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	11	0	4	0	62	22	1	0	0	0	0	0	23	39	5	1	54	0	3
20	Khoa Nhiệt đới BVTN																					
21	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	15	2				224							3	197	24			163	61	
Tổng cộng (tầng 2)		**7365**	**6354**	**94**	**103**	**33**	**0**	**5710**	**679**	**12**	**11176**	**8**	**0**	**0**	**274**	**1960**	**3468**	**68**	**527**	**2978**	**335**	**644**
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	3843	3514	265	99	9	1	2731	517	12	1732	0	0	0	19	1012	1785	18	156	2287	71	463
2	Long Khánh	432	432	0	0	0	0	14	0	0	0	0	0	0	0	3	11	0	0	13	0	418
3	Vĩnh Cửu	5790	5660	274	146	35	0	1840	915	3	3302	0	0	0	0	130	1710	16	135	1680	25	2654
4	Định Quán	100	89	0	8	1	0	29	42	0	47	0	0	0	0	21	8	0	2	27	0	60
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	**876**	**871**	**118**	**2**	**14**	**0**	**451**	**843**	**1**	**863**	**0**	**0**	**0**	**0**	**24**	**427**	**4**	**28**	**416**	**3**	**404**
7	Thống Nhất																					
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	2	0	0	0	24	2	0	4	0	0	0	0	6	18	0	0	17	0	176
10	Long Thành	500	150	5	10	1	0	144	24	0	366		0	0	0	148	50	3	20	50	30	
11	Nhơn Trạch	2120	2110	148	20	0	0	1780	0	0	0	0	0	0	42	280	1458	25	137	1604	39	330
	TỔNG CỘNG (Tầng 1)	**14221**	**13086**	**812**	**285**	**60**	**1**	**7152**	**2343**	**16**	**6318**	**0**	**0**	**0**	**61**	**1624**	**5467**	**66**	**478**	**6094**	**168**	**5934**
TỔNG TẦNG (3+2+1)		**22306**	**19841**	**914**	**388***	**97**	**4**	**13040**	**3168**	**314**	**17512**	**66**	**8**	**54**	**393**	**3584**	**8935**	**134**	**1005**	**9175**	**542**	**6801**

*Số xuất viện trong ngày được báo cáo theo giấy ra viện gửi về Sở Y tế và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.